

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2026/HS-ST
Ngày 11 - 02 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Bé Ngọc.
- Ông Nguyễn Văn Em.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Điền - Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh N; sinh ngày: 01/01/1996 tại xã V, thành phố Cần Thơ. Nơi cư trú: Ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc Ủ và bà Hồ Thanh T; chưa có vợ và chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 08/8/2023, Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng (Quyết định số 12/2023/QĐ-TA), chấp hành xong ngày 13/12/2024; nhân thân: Ngày 11/12/2017, Tòa án nhân huyện V, tỉnh Hậu Giang xử phạt 03 năm tù về tội "Giao cấu với trẻ em" (Bản án số 50/2017/HSST), chấp hành xong hình phạt ngày 30/6/2020 và đã thi hành xong quyết định của bản án về án phí và trách nhiệm dân sự (đã được xoá án tích); bị tạm giữ từ ngày 20/8/2025 đến ngày 29/8/2025 tạm giam cho đến nay và đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 3 - Công an thành phố C. (Có mặt)

- Bị hại:

Lê Thị M - Sinh năm: 1975. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Vĩnh T1 - Sinh năm: 1988. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ (Cửa hàng điện thoại Nguyễn T1).

2. Nguyễn Ngọc Ủ - Sinh năm: 1976. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/8/2025, bà Lê Thị M phát hiện 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 14 Pro, màu đen của bà M bị mất trộm nên đến Công an xã trình báo sự việc.

Quá trình điều tra đã xác định: Vào khoảng 08 giờ ngày 17/8/2025, Nguyễn Minh N mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu đỏ đen (*không rõ biển số*) của người nam tên D ở thành phố Cần Thơ với mục đích đi chơi. Sau đó, N điều khiển xe mô tô này đi đến quán H thuộc Ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ để nhậu. Khi đến nơi, N chạy xe vào bên trong quán và yêu cầu bà Lê Thị M chủ quán “Hương Quê” để làm môi nhậu, bà M đồng ý và xuống bếp làm môi. Lúc này, N nhìn thấy trên kệ đựng chén ở khu vực bếp có một điện thoại di động nên nảy sinh ý định lấy trộm nên N quan sát thấy bà M đang làm môi, không quản lý điện thoại nên N tiến đến khu vực kệ đựng chén và dùng tay lấy điện thoại bỏ vào túi quần cất giấu rồi đi ra khỏi quán và điều khiển xe mô tô trên chạy về nhà N tại ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ. Sau đó, N đến cửa hàng điện thoại “N” chủ tiệm anh Nguyễn Vĩnh T1 thuộc ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ để bán điện thoại vừa lấy trộm với giá 3.000.000 đồng.

Vào khoảng 20 giờ ngày 19/8/2025, có người nam tên B (chưa rõ lai lịch) tự đến nhà N và rủ N đi sử dụng ma túy, ông B điều khiển xe mô tô (không rõ nhãn hiệu, biển số) chở Nguyễn Minh N đến cầu B thuộc Ấp B, xã T, thành phố Cần Thơ. Khi đến nơi, B lấy ra một bộ dụng cụ sử dụng ma túy (nỏ, ống hút, chai nhựa) có sẵn ma túy trong nỏ đưa cho N sử dụng được hai hơi ma túy, còn B thì không sử dụng. Khi sử dụng xong, N vứt bỏ bộ dụng cụ sử dụng ma túy

xuống sông X, rồi B điều khiển xe chở N về nhà của N ở Ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 09/9/2025 và Công văn số 157/HĐĐGTS ngày 12/11/2015, kết luận 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 14 Pro màu đen của bà Lê Thị M có giá trị là 3.667.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 667/KL-KTHS ngày 28/8/2025 của Phòng K Công an thành phố, giám định mẫu nước tiểu của Nguyễn Minh N, kết luận: Mẫu gửi giám định tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine.

Việc thu giữ, tạm giữ vật chứng, đồ vật, tài liệu: Cơ quan điều tra đã thu giữ, tạm giữ:

- + 01 (Một) đôi dép quai ngang, màu đen có chữ DUWA, đã qua sử dụng.
- + 01 (Một) nón kết bằng vải màu đen đường chỉ trắng, phía trước có thêu hình người và hình con rồng, đã qua sử dụng.
- + 01 (Một) áo sơ mi tay dài sọc nhiều màu (vàng, xám, đen), đã qua sử dụng.
- + 01 (Một) quần sọt Jean màu xanh, đã qua sử dụng.
- + 01 (Một) điện thoại di động hiệu TCL, màu xám, đã qua sử dụng.
- + 01 (Một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 14 Pro màu đen, số IMEI 1: 863763070625024, số IMEI 2: 863763070625032, số seri: 60481/W5NS02529, đã qua sử dụng.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho ông Nguyễn Ngọc Ủ (cha ruột Nguyễn Minh N) 01 (một) điện thoại di động hiệu TCL, màu xám và trả lại cho bà Lê Thị M 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 14 Pro màu đen.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị M đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường thiệt hại thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Vĩnh T1 không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự.

Tại Cáo trạng số: 23/CT-VKS-KV11 ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ truy tố bị cáo Nguyễn Minh N có lý lịch và hành vi phạm tội nêu trên ra trước Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ để xét xử về các tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm a khoản 1 Điều 256a của Bộ luật Hình sự và “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh N các tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” và “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 256a; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N từ 02 năm đến 03 năm tù về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Minh N phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường thiệt hại thêm nên không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

[2] Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không cản trở việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

[3] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Minh N thừa nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện theo như nội dung của bản cáo trạng đã truy tố. Qua phân

tích, đánh giá những vấn đề được tranh tụng tại phiên toà, các chứng cứ, tài liệu được thể hiện trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, đã có đủ cơ sở chứng minh được rằng:

[4] Vào ngày 17/8/2025, Nguyễn Minh N đến quán “Hương Quê” của bà Lê Thị M thuộc Ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ để nhậu. Nhí nhìn thấy trên kệ đựng chén ở khu vực bếp có một điện thoại di động nên nảy sinh ý định trộm cắp. Lợi dụng lúc bà M đang làm mời, không quản lý điện thoại nên N lấy điện thoại bỏ vào túi quần cất giấu rồi đi ra khỏi quán và điều khiển xe mô tô chạy về nhà. Sau đó, N đến cửa hàng điện thoại “N” tại ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ để bán với giá 3.000.000 đồng. Đến ngày 19/8/2025 bị cáo N cùng với đối tượng tên B (không rõ nhân thân, lý lịch) sử dụng ma túy tại ấp B, xã T, thành phố Cần Thơ (ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy do B cung cấp). Theo kết luận định giá tài sản, 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 14 Pro màu đen có giá trị là 3.667.000 đồng. Theo kết luận giám định, mẫu gửi giám định nước tiểu của Nguyễn Minh N thu mẫu ngày 20/8/2025 tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine.

[5] Về tội “Trộm cắp tài sản”: Tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2025) (Bộ luật Hình sự) quy định:

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

[...]

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[6] Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Minh N lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại Lê Thị M trị giá 3.000.000 đồng đã cấu thành tội phạm “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”: Tại khoản 1 Điều 256a của Bộ luật Hình sự quy định:

“Điều 256a. Tội sử dụng trái phép chất ma túy:

1. Người nào sử dụng trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 03 năm:

a) Đang trong thời hạn cai nghiện ma túy tự nguyện, cai nghiện ma túy bắt buộc, điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy;

b) Đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện theo quy định của Luật phòng, chống ma túy;

c) Đang trong thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy và đã từng bị xử lý hành chính bằng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy;

d) Trong thời hạn 02 năm kể từ khi tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy.”.

[8] Bị cáo Nguyễn Minh N đang trong thời gian chấp hành Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 15/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang về việc quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú với thời hạn 24 tháng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Minh N đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện theo quy định của Luật phòng, chống ma túy mà sử dụng trái phép chất ma túy đã cấu thành tội phạm “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a của Bộ luật Hình sự.

[9] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ truy tố bị cáo Nguyễn Minh N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ truy tố bị cáo về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 256a của Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo. Bởi lẽ, bị cáo đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện theo quy định của Luật phòng, chống ma túy (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a của Bộ luật Hình sự) chứ không thuộc trường hợp đang trong thời hạn cai nghiện ma túy tự nguyện, cai nghiện ma túy bắt buộc, điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 256a của Bộ luật Hình sự). Do điểm a và điểm b cùng trong một khoản của điều luật mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã đưa ra xét xử nên căn cứ quy định tại Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự về giới hạn của việc xét xử, Tòa án xét xử bị cáo về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a của Bộ luật Hình sự.

Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

[10] Hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Sử dụng trái phép chất ma túy” của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ và chính sách của Nhà nước về phòng, chống ma túy đồng thời ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[11] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân không tốt.

[12] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[13] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với cả hai tội.

[14] Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xét thấy cần phải xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn tương xứng đối với cả hai tội để đảm bảo cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[15] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường thiệt hại thêm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Vĩnh T1 không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

[16] Đối với vật chứng còn lại trong vụ án là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được nên tịch thu và tiêu hủy.

[17] Đối với các vật chứng đã được Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát xử lý là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[18] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 3.000.000 đồng là tiền bị cáo có được do mua bán tài sản phạm tội mà có nên buộc bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước.

[19] Về hành vi của các đối tượng khác có liên quan trong vụ án: Đối với người tên B cung cấp ma túy cho bị cáo do chưa xác định được nhân thân, lý lịch cụ thể nên Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau

khi chứng minh được người thực hiện hành vi phạm tội là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[20] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[21] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[22] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh N các tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” và “Trộm cắp tài sản”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

2.2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N 02 (hai) năm tù về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

3. Về tổng hợp hình phạt: Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Minh N phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) tội là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 20 tháng 8 năm 2025.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy:

- 01 (Một) đôi dép quai ngang, màu đen có chữ DUWA, đã qua sử dụng.

- 01 (Một) nón kết bằng vải màu đen đường chỉ trắng, phía trước có thêu hình người và hình con rồng, đã qua sử dụng.

- 01 (Một) áo sơ mi tay dài sọc nhiều màu (vàng, xám, đen), đã qua sử dụng.

- 01 (Một) quần sọt Jean màu xanh, đã qua sử dụng.

(Các vật chứng được lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Cần Thơ theo Quyết định chuyển vật chứng số: 19/QĐ-VKS-KV11 ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ).

5. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh N nộp lại số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Minh N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án. Đối với người có quyền kháng cáo có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 11 - Cần Thơ;
- Cơ sở giam giữ;
- Công an TP. Cần Thơ (CQĐT, PV06);
- Thi hành án dân sự TP. Cần Thơ (Phòng THADS khu vực 11 - Cần Thơ);
- Chính quyền cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; bị hại; đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Võ Thị Ánh Trúc